BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2012/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 59/2011/NĐ-CP),

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động trong các doanh nghiệp cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa.

3. Cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định.

Điều 3. Xây dựng phương án sử dụng lao động khi cổ phần hóa

Sau khi có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp chỉ đạo Tổ giúp việc lập phương án sử dụng lao động (trong phương án cổ phần hóa), trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Phương án sử dụng lao động được xây dựng theo các bước sau:

1. Bước 1. Lập danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 1 kèm Thông tư này, bao gồm:

a) Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động, gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.

b) Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động có hưởng lương và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (kể cả số lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 năm).

c) Số lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Bước 2. Lập danh sách số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp bao gồm:

a) Danh sách lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 2 kèm Thông tư này.

b) Danh sách lao động chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (gồm các trường hợp: hết hạn hợp đồng lao động; tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động vì các lý do khác theo quy định của pháp luật lao động) theo mẫu số 3 kèm Thông tư này.

c) Danh sách lao động không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 4 kèm Thông tư này, bao gồm:

- Danh sách lao động dôi dư theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Danh sách lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật lao động.

3. Bước 3. Lập danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần theo mẫu số 5 kèm Thông tư này, gồm:

a) Lao động đang thực hiện hợp đồng lao động còn thời hạn.

b) Lao động đang nghỉ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động còn thời hạn.

c) Lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

4. Bước 4. Tổng hợp phương án sử dụng lao động theo mẫu số 6 kèm Thông tư này.

Điều 4. Chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa

Căn cứ phương án sử dụng lao động đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách đối với người lao động như sau:

1. Chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi

Người lao động quy định tại khoản 1 (kể cả người được tuyển dụng trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 mà chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động; người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh nghiệp) và khoản 2 Điều 2 Thông tư này, có tên trong danh sách lao động thường xuyên (có hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ việc hưởng chế độ ngắn hạn, nếu có) của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua cổ phần với giá ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian tính theo số năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) người lao động thực tế làm việc (có đi làm, có tên trong bảng thanh toán lương) trong khu vực nhà nước tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp trừ đi thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó, thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí hoặc tính hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần (nếu có).

Thời gian người lao động thực tế làm việc trong khu vực nhà nước gồm: thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp cổ phần hóa, thời gian làm việc ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trước khi về làm việc tại doanh nghiệp cổ phần hóa (bao gồm cả thời gian đào tạo có hưởng lương, thời gian cơ quan, đơn vị cử đi công tác, thời gian hưởng chế độ bảo hiểm xã hội

về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc được doanh nghiệp cổ phần hóa trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật).

2. Chính sách mua thêm cổ phần với giá ưu đãi: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

Người lao động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này, có tên trong danh sách lao động thường xuyên của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (thời điểm khóa sổ kế toán, lập báo cáo tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp) được chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (bao gồm cả giá trị tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi) theo quy định tại khoản 5 Điều 14 và Điều 19 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP theo tổng số năm (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đối với phần tháng lẻ của tổng số năm làm việc thực tế của người lao động để tính chia số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi do doanh nghiệp quyết định.

4. Chế độ hưu trí

Những người đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp cổ phần hóa và cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

5. Chế độ trợ cấp thôi việc

Người lao động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này chấm dứt hợp đồng lao động được giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc (nếu có) theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động, Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 và Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Chế độ đối với lao động dôi dư

Người lao động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư này thuộc đối tượng của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thì giải quyết theo quy định tại

Nghị định số 91/2010/NĐ-CP và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

7. Chế độ trợ cấp mất việc làm

Người lao động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư này không thuộc đối tượng của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP thì giải quyết chế độ trợ cấp mất việc làm (nếu có) theo quy định của Bộ luật Lao động. Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chế độ trợ cấp thôi việc, chế độ đối với lao động dôi dư, chế độ trợ cấp mất việc làm quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này, từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 được tính theo quy định của Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

8. Người lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần theo khoản 3 Điều 3 Thông tư này được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định.

Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm lập danh sách và làm thủ tục để cơ quan Bảo hiểm xã hội tiếp tục thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; thanh toán đầy đủ các khoản nợ về bảo hiểm xã hội đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các khoản nợ với người lao động (nếu có) trước khi chuyển sang công ty cổ phần; bàn giao danh sách và hồ sơ của người lao động cho Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty cổ phần để tiếp tục tham gia và giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp cổ phần hóa phối hợp với Ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp thực hiện chia Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi cho người lao động theo quy định.

b) Chỉ đạo Tổ giúp việc xây dựng phương án sử dụng lao động, xác định số lao động cần thiết theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh, xác định số lao động không bố trí được việc làm, số lao động chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, đưa ra Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức doanh nghiệp lấy ý kiến, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giải quyết các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giải quyết xong các chính sách đối với người lao động, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần cho các cơ quan có thẩm quyền theo mẫu số 7 kèm Thông tư này. Báo cáo làm thành 08 bản gửi: Cơ quan phê duyệt phương án cổ phần hóa 01 bản; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 01 bản; Bộ Tài chính 01 bản; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp cổ phần hóa đóng trụ sở chính 01 bản; Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp cổ phần hóa đóng trụ sở chính 01 bản; Công đoàn ngành Trung ương (nếu có) 01 bản; Cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội 01 bản và 01 bản lưu tại công ty cổ phần.

2. Cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và các quy định tại Thông tư này.

3. Hội đồng quản trị, đại diện người sử dụng lao động theo quy định của công ty cổ phần có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận số lao động quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này và toàn bộ hồ sơ có liên quan của người lao động do doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao.

b) Tiếp tục thực hiện những cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết trước đó với người lao động theo quy định của pháp luật.

c) Giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang khi người lao động đó mất việc làm, thôi việc tại công ty cổ phần, kể cả khoản trợ cấp cho thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó và thời gian người lao động làm việc tại công ty, đơn vị khác thuộc khu vực nhà nước nhưng chuyển đến công ty 100% vốn nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa nhận trợ cấp thôi việc, mất việc làm.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng quyết định thành lập có trách nhiệm phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, công đoàn ngành Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan đối với người lao động; hàng năm tổng hợp tình hình và báo cáo về Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

3. Các chế độ, chính sách đối với người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có hiệu lực thi hành.

4. Người lao động trong doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và điểm e khoản 2 Điều 49 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ khi có đủ điều kiện theo quy định được hưởng các chế độ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8; đồng thời được áp dụng các chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này theo điều kiện cụ thể của doanh nghiệp và phương án tái cơ cấu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ - công ty con nắm giữ 100% vốn điều lệ và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa thì thực hiện giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Minh Huân

Mẫu số 1

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.									
2									
3									
…									
…									

Ngày…..tháng……năm ….

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột B: Ghi toàn bộ số lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa, gồm:

+ Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động (HĐLĐ), gồm Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.

+ Lao động làm việc theo HĐLĐ, gồm lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn (bao gồm cả lao động tuyển dụng trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ); lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; HĐLĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

+ Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Cột 4: Nếu là viên chức thì ghi ngành và trình độ đào tạo; nếu là công nhân thì ghi nghề và bậc thợ;

- Cột 5: Nếu không thuộc đối tượng ký HĐLĐ ghi ký hiệu là (K); HĐLĐ không xác định thời hạn được ghi ký hiệu là (A); HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng ghi ký hiệu là (B); HĐLĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng ghi ký hiệu là (C); tuyển dụng trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động ghi ký hiệu là (D);

- Cột 6: Ghi ngày, tháng, năm được tuyển dụng vào doanh nghiệp;

- Cột 8: Ghi cụ thể địa chỉ nơi ở hiện nay và điện thoại liên hệ (nếu có).

Mẫu số 2

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NGHỈ HƯU TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Tổng thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước	Thời gian đã đóng BHXH	Nơi ở khi nghỉ hưu	Ghi chú
			Nam	Nữ				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1								
2								
3								
…								
…								

Ngày…tháng…năm …

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột (B): số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

Mẫu số 3

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước *(năm, tháng)*	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội *(năm, tháng)*	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Đối tượng hết hạn hợp đồng lao động**						
1							
2							
3							
…							
II	**Đối tượng tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động**						
1							
2							
3							
...							
III	**Đối tượng chấm dứt hợp đồng với lý do khác theo quy định của pháp luật**						
1							
2							
3							
...							

Ngày... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 4

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG KHÔNG BỐ TRÍ ĐƯỢC VIỆC LÀM Ở CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước *(năm, tháng)*	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội *(năm, tháng)*	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Lao động dôi dư theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP**						
1							
2							
3							
…							
II	**Lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm**						
1							
2							
3							
…							

Ngày... tháng…năm…

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(I) Số lao động dôi dư theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

(II) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật lao động.

Mẫu số 5

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG SẼ CHUYỂN SANG LÀM VIỆC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Tháng, năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1							
2							
3							
…							

Ngày…..tháng……năm…

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột 5: Ghi năm, tháng đã đóng bảo hiểm xã hội (ví dụ: 23 năm 9 tháng).

Mẫu số 6

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**		
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động		
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ		
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn		
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng		
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng		
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty		
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**		
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành		
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động		
	a) Hết hạn hợp đồng lao động		
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động		
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật		
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp		
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP		
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm		

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần**		
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn		
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội		
	a) Ốm đau		
	b) Thai sản		
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động		
	a) Nghĩa vụ quân sự		
	b) Nghĩa vụ công dân khác		
	c)Bị tạm giam, tạm giữ		
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)		

Ngày…….tháng…năm …..

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 7

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BCĐ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP (TÊN DOANH NGHIỆP)

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	**Vốn điều lệ**	**Triệu đồng**		
1.1	Tỷ lệ cổ phần của nhà nước	%		
1.2	Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động	%		
1.3	Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp	%		
2	**Mua cổ phần ưu đãi của người lao động**			
2.1	Số lao động mua cổ phần ưu đãi	Người		
2.2	Tổng số cổ phần ưu đãi	Cổ phần		
2.3	Tổng giá trị cổ phần ưu đãi	Triệu đồng		
3	**Mua thêm cổ phần ưu đãi của người lao động**			
3.1	Số lao động mua thêm cổ phần ưu đãi	Người		
3.2	Tổng số cổ phần ưu đãi mua thêm	Cổ phần		
3.3	Tổng giá trị cổ phần ưu đãi mua thêm	Triệu đồng		
4	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**Người**		
4.1	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp			
	a) Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành			
	b) Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động			
	c) Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa			
4.2	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần			
5	**Chính sách đối với lao động dôi dư**			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
5.1	Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP			
5.2	Kinh phí thực hiện chính sách lao động dôi dư			
	a) Từ nguồn của doanh nghiệp			
	b) Từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
6	**Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo Bộ luật Lao động**	**Đồng**		

Ngày…….tháng……năm …..

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. BAN CHỈ ĐẠO
CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)